

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **92/**CV-DLG

Gia Lai, ngày **28** tháng **9** năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2024;
- BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2024;
- Công văn số**91**.../2024/CV-DLGL ngày **28/9/2024** về việc giải trình liên quan BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **28/9/2024** tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2024;
- BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2024;
- Công văn số ...**91**.../2024/CV-DLGL.

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	13 - 46
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch là: DUC LONG GIA LAI GROUP JSC) được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán : DLG

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : +84 (026) 9374 8367

Fax : +84 (026) 9374 7366

Mã số thuế : 5900415863

▪ Các chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên các chi nhánh

1. Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

2. Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai (*)

3. Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

4. Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số 152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai.

(*) Chi nhánh tạm ngừng kinh doanh từ ngày 27 tháng 09 năm 2023 đến ngày 26 tháng 09 năm 2024 theo Giấy xác nhận số 8400/23 ngày 21 tháng 09 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

▪ **Các công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
3.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

▪ **Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

3. Ngành nghề hoạt động

- Mua bán phân bón;
- Đầu tư tài chính;
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Nguyễn Tường Cột	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	-
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên	30/06/2022	-

4.3 Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Mộng Hùng	Trưởng Ban	27/10/2022	-
Bà Đặng Thị Ngọc Huệ	Thành viên	27/10/2022	-
Ông Trương Văn Tân	Thành viên	27/10/2022	-

4.4 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	10/05/2024
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC- KT kiêm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này là ông Nguyễn Tường Cột – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 09 đến trang 47.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 12/07/2024, Công ty nhận được Thông báo số 01/PS-TBTA của Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (“gọi tắt là “Lilama 45.3”). Theo đó, Công ty có phát sinh khoản nợ đối với Lilama 45.3, theo Bản án phúc thẩm số 03/2023/KDTM-PT ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Công ty phải trả cho Lilama 45.3 khoản nợ gốc là hơn 14.764.848.038 đồng và 2.362.501.654 đồng lãi chậm thanh toán. Tính đến ngày 27/09/2024, tổng số tiền Công ty đã trả cho Lilama 45.3 là 7.000.000.000 đồng. Công ty vẫn đang triển khai các hoạt động bình thường và có thiện chí trả nợ cho Lilama 45.3. Ngày 05/08/2024, Công ty đã nhận được Quyết định không mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐST-PS của Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai, theo đó không mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Ngoài ra, theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 15/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc cấu trúc lại khoản đầu tư vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited, theo đó Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited. Ngày 31/07/2024, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 06/2024/HĐCNPVG/DLG-DL1 cho Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven trị giá 255.000.000.000 đồng. Đến ngày 27/09/2024, Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định..

Ngoài các sự kiện nêu trên, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

9 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024

Số: 2471/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 9 năm 2024, từ trang 09 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay ngắn/dài hạn tại ngày 30/06/2024 trong đó bao gồm 166.859.496.661 đồng và mục V.6a – Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2024 trong đó bao gồm 28.484.612.156 đồng. Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thực tế. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) (nếu có) cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 30/06/2024, khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (2.795.946.647.035) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 770.518.673.948 đồng. Ngoài ra Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.337.488.431.307 đồng. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2026, cũng như khả năng đàm phán của Công ty về việc thanh toán các khoản vay quá hạn và đến hạn thanh toán với các chủ nợ. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.610.390.722.234	737.675.597.500
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.152.506.607	3.925.127.205
111	1. Tiền		4.152.506.607	3.925.127.205
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.421.567.731.125	541.928.098.894
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	647.843.474.757	673.547.483.003
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	48.730.386.687	48.527.766.161
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	1.448.161.901.126	1.137.082.661.174
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	666.349.388.993	605.432.291.313
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7a	(1.389.517.420.438)	(1.922.662.102.752)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	133.668.280.153	140.840.367.827
141	1. Hàng tồn kho		197.116.843.606	194.803.805.579
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(63.448.563.453)	(53.963.437.752)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.002.204.349	982.003.574
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	10.854.543
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		938.697.674	905.225.011
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	63.506.675	65.924.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.053.576.572.200	1.866.145.384.442
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		350.355.251.922	1.065.964.425.678
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	779.043.549.865	1.064.695.755.678
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.7b	(429.956.967.943)	-
220	II. Tài sản cố định		315.334.050.683	323.515.031.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	315.334.050.683	323.515.031.681
222	- Nguyên giá		452.925.845.953	452.925.845.953
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(137.591.795.270)	(129.410.814.272)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		399.336.795	399.336.795
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(399.336.795)	(399.336.795)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	26.813.617.758	27.444.199.176
231	- Nguyên giá		56.149.693.891	56.149.693.891
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.336.076.133)	(28.705.494.715)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.089.530.386	32.367.705.386
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	32.089.530.386	32.367.705.386
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	328.984.121.451	416.850.401.308
251	1. Đầu tư vào công ty con		804.157.612.500	804.157.612.500
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.900.766.000	8.900.766.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		480.000.000	480.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(484.554.257.049)	(396.687.977.192)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	3.621.213
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	3.621.213
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.663.967.294.434	2.603.820.981.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.410.109.396.182	2.350.058.627.616
310	I. Nợ ngắn hạn		2.380.909.396.182	2.320.858.627.616
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	151.352.580.401	160.571.464.951
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	38.652.578.726	48.916.578.726
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	23.845.481.622	10.257.158.587
314	4. Phải trả người lao động		123.486.666	153.754.839
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	442.359.734.280	414.405.659.695
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		147.272.724	29.090.908
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	736.508.426.856	673.165.050.626
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	985.441.054.715	1.010.831.089.092
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.478.780.192	2.528.780.192
330	II. Nợ dài hạn		29.200.000.000	29.200.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20	29.200.000.000	29.200.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	253.857.898.252	253.762.354.326
410	I. Vốn chủ sở hữu		253.857.898.252	253.762.354.326
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.795.946.647.035)	(2.796.042.190.961)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(2.796.042.190.961)	(2.204.480.460.523)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		95.543.926	(591.561.730.438)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.663.967.294.434	2.603.820.981.942

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán



ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024



NGUYỄN TƯỜNG CỢT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	6.609.317.184	18.744.948.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.609.317.184	18.744.948.636
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	16.038.526.355	18.630.813.972
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(9.429.209.171)	114.134.664
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	102.230.376.140	128.345.001.573
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	169.999.995.014	156.274.942.079
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		81.325.509.967	86.004.280.687
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	31.780.000	42.461.538
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	(87.917.661.724)	(73.085.119.966)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.687.053.679	45.226.852.586
31	11. Thu nhập khác		-	390.785.014
32	12. Chi phí khác	VI.7	10.591.509.753	6.082.991.208
40	13. Lợi nhuận khác		(10.591.509.753)	(5.692.206.194)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.543.926	39.534.646.392
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		95.543.926	39.534.646.392
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	-	-

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

TỈNH GIA LAI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

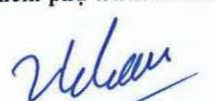
ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		95.543.926	39.534.646.392
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(17.121.407.385)	(43.560.049.495)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9; V.10; V.11	8.811.562.416	9.157.291.207
03	- Các khoản dự phòng	V.7; V.8; V.13	(5.836.308.818)	(15.910.594.344)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	V.14	808.205.190	5.533.974.528
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	V.13	(102.230.376.140)	(128.345.001.573)
06	- Chi phí lãi vay	V.14	81.325.509.967	86.004.280.687
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.025.863.459)	(4.025.403.103)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		24.697.553.714	71.701.160.212
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.313.038.027)	809.018.033
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		4.326.368.181	(4.747.900.726)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.475.756	(34.396.971)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(161.075.205)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.435.769.288)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(50.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.488.420.960	59.266.708.157
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		278.175.000	(38.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.409.181.628.753)	(747.732.201.680)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.383.754.594.614	585.966.877.043
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.276.609.002	101.031.649.080
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.127.749.863	(60.772.175.557)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(25.390.034.377)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.390.034.377)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		226.136.446	(1.505.467.400)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	3.925.127.205	4.393.051.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.242.956	28.379
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	4.152.506.607	2.887.612.054

Người lập biểu


TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán


ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024

NGUYỄN TƯỜNG CỘT
Chánh Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại; Đầu tư tài chính

3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán đá trong xây dựng;
- Đầu tư tài chính;
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng, nhà khách, nhà nghỉ.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm từ đá và hoạt động dịch vụ cho thuê tài sản kỳ này giảm 64,74%, trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ giảm 13,91% chủ yếu do phát sinh thêm khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến lợi nhuận gộp âm. Đồng thời, chi phí khác kỳ này tăng 74,12% chủ yếu do phát sinh chậm nộp tiền thuê đất từ các năm trước, do đó kết quả kinh doanh kỳ này của Công ty giảm 99,76% so với kỳ trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên các chi nhánh

1. Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

2. Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai (*)

3. Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

4. Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Số 152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai

(*) Chi nhánh tạm ngừng kinh doanh từ ngày 27 tháng 09 năm 2023 đến ngày 26 tháng 09 năm 2024 theo Giấy xác nhận số 8400/23 ngày 21 tháng 09 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
3.	Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 24 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (gỗ, phân bón, đá...), thành phẩm (sản phẩm từ gỗ)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng, dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 25.253 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 25.473 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 0,66 VNĐ/LAK.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,36 VNĐ/LAK.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.927.627.771	3.700.245.705
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	224.878.836	224.881.500
Cộng	4.152.506.607	3.925.127.205

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn các bên khác</i>	50.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000	(50.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1	50.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000	(50.000.000.000)
Cộng	50.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000	(50.000.000.000)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	20.154.396.256	(15.918.796.256)	22.033.596.256	(17.992.460.560)
Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	15.726.045.256	(13.422.045.256)	18.186.045.256	(15.902.269.560)
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	3.282.400.000	(1.350.800.000)	2.701.600.000	(944.240.000)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	1.145.951.000	(1.145.951.000)	1.145.951.000	(1.145.951.000)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	627.689.078.501	(597.908.771.987)	651.513.886.747	(629.747.449.936)
Ông Lý Trần Tiến	391.021.500.000	(391.021.500.000)	391.021.500.000	(391.021.500.000)
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	129.695.100.000	(129.695.100.000)	129.695.100.000	(129.695.100.000)
Các khách hàng khác	106.972.478.501	(77.192.171.987)	130.797.286.747	(109.030.849.936)
Cộng	647.843.474.757	(613.827.568.243)	673.547.483.003	(647.739.910.496)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho các bên liên quan	153.363.635	(100.000.000)	182.818.181	(100.000.000)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	53.363.635	-	82.818.181	-
Trả trước cho các người bán khác	48.577.023.052	(47.979.879.139)	48.344.947.980	(47.863.955.146)
Công ty TNHH MTV Nông trại Cù Bông 1	15.204.370.000	(15.204.370.000)	15.204.370.000	(15.204.370.000)
Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	(7.603.234.071)	7.603.234.071	(7.603.234.071)
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Và Cầu Trục Trung Nguyên	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Các người bán khác	19.269.418.981	(18.672.275.068)	19.037.343.909	(18.556.351.075)
Cộng	48.730.386.687	(48.079.879.139)	48.527.766.161	(47.963.955.146)

5. Phải thu về cho vay ngắn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	252.294.850.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ⁽¹⁾	252.294.850.000	-	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	1.193.905.677.679	(131.496.412.014)	1.135.121.287.727	(103.998.912.014)
Công ty TNHH MTV Trường An Tây Nguyên ⁽²⁾	639.606.715.000	-	-	-
Công ty TNHH Global Capital ⁽³⁾	258.124.155.000	(55.710.078.159)	-	-
Bà Phạm Thị Bảy ⁽⁴⁾	115.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác ⁽⁵⁾	181.174.807.679	(75.786.333.855)	1.135.121.287.727	(103.998.912.014)
Phải thu về cho mượn ngắn hạn các bên khác	1.961.373.447	(1.961.373.447)	1.961.373.447	(1.961.373.447)
Công ty CP ĐT & PT Năng lượng sạch Tây Nguyên	1.961.373.447	(1.961.373.447)	1.961.373.447	(1.961.373.447)
Cộng ^(*)	1.448.161.901.126	(133.457.785.461)	1.137.082.661.174	(105.960.285.461)

⁽¹⁾ Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay số 03/2024/HĐ ngày 20/01/2024, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 8%/năm cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo là 7.250.000 cổ phiếu của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven trị giá 133.400.000.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng vay vốn số 03-01/2024/HĐ ngày 24/09/2024 và Hợp đồng thế chấp cổ phần ngày 27/09/2024 (xem tại thuyết minh VII.3d) và tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 110.524.430.180 đồng.

⁽²⁾ Công ty TNHH MTV Trường An Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay số 01/2024/HĐ ngày 05/01/2024, thời hạn vay 15 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 9%/năm cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo là 10.500.000 cổ phiếu của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven trị giá 437.157.000.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01-01/2024/HĐ ngày 26/09/2024 và Hợp đồng thế chấp cổ phần ngày 27/09/2024 (xem tại thuyết minh VII.3d) và tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 420.529.569.750 đồng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

(3) Công ty TNHH Global Capital vay theo Hợp đồng vay số 02/2024/HĐ ngày 10/01/2024, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 8%/năm cố định trong suốt thời gian vay và tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 43.925.000.000 đồng.

(4) Là khoản cho Bà Phạm Thị Bảy vay dài hạn đến hạn trả (xem tại thuyết minh V.5b).

(5) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm. Tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 105.388.473.824 đồng.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	779.043.549.865	(429.956.967.943)	1.064.695.755.678	(514.988.972.365)
Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽¹⁾	347.315.000.443	(347.315.000.443)	377.565.000.443	(327.315.000.443)
Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên ⁽²⁾	173.018.935.000	(82.641.967.500)	313.765.000.000	(90.376.967.500)
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽³⁾	103.651.000.000	-	248.884.000.000	(52.404.500.000)
Bà Phạm Thị Bảy ⁽⁴⁾	91.822.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác ⁽⁵⁾	63.236.614.422	-	124.481.755.235	(44.892.504.422)
Cộng (*)	779.043.549.865	(429.956.967.943)	1.064.695.755.678	(514.988.972.365)

(1) Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm cố định trong vòng 12 tháng.

(2) Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay số 02/2023/HĐ ngày 01/06/2023, thời hạn vay 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian ân hạn là 12 tháng. Lãi suất áp dụng trong suốt thời gian cho vay là 10,9%/năm và tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 90.376.967.500 đồng.

(3) Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay số 03/2023/HĐ ngày 20/06/2023, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian ân hạn là 9 tháng. Lãi suất áp dụng trong suốt thời gian cho vay là 10,6%/năm và tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 103.651.000.000 đồng.

(4) Bà Phạm Thị Bảy vay dài hạn theo Hợp đồng vay số 04/2024/HĐ ngày 05/03/2024, thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, thời gian ân hạn là 09 tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 8%/năm cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo là 10.500.000 cổ phiếu của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven Seven trị giá 437.157.000.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04-01/2024/HĐ ngày 26/09/2024 và Hợp đồng thế chấp cổ phần ngày 27/09/2024 (xem tại thuyết minh VII.3d).

(5) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại trên 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm. Tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 63.236.614.422 đồng.

(*) Tính đến ngày 27/09/2024 Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế với số tiền là 166.859.496.661 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

6. Phải thu ngắn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.583.720.488	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (lãi cho vay) (*)	7.583.720.488	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	658.765.668.505	(544.152.187.595)	605.432.291.313	(556.008.979.289)
Phải thu lãi cho vay (*)	653.981.617.186	(540.981.021.943)	600.611.570.536	(556.008.979.289)
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	127.016.480.526	(127.016.480.526)	120.524.960.962	(120.524.960.962)
Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	111.882.159.545	(111.882.159.545)	95.298.761.279	(95.298.761.279)
Các đối tượng khác (1)	415.082.977.115	(302.082.381.872)	384.787.848.295	(338.206.382.957)
Tạm ứng cho nhân viên	2.681.840.728	(1.155.623.311)	2.715.662.519	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	2.052.210.591	(2.015.542.341)	2.055.058.258	(1.978.874.091)
Cộng	666.349.388.993	(544.152.187.595)	605.432.291.313	(556.008.979.289)

(1) Tính đến ngày 27/09/2024, Công ty đã thu hồi được 80.976.490.570 đồng lãi cho vay.

(*) Tính đến ngày 27/09/2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế với số tiền là 28.484.612.156 đồng.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
Cộng	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-

7. Dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi**7a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.922.662.102.757)	(1.421.004.961.020)
Trích lập dự phòng bổ sung	(186.629.549.527)	(142.918.049.897)
Hoàn nhập dự phòng	289.817.263.903	220.175.744.780
Chuyển sang dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	429.956.967.943	-
Số cuối kỳ	(1.389.517.420.438)	(1.343.747.266.137)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

7b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Chuyển từ dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi sang	(429.956.967.943)	-
Số cuối kỳ	(429.956.967.943)	-

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	9.245.220.262	(5.061.596.599)	9.283.220.262	(4.603.375.664)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.199.336.030	(2.841.506.821)	8.199.336.030	(2.435.577.275)
Thành phẩm ⁽²⁾	6.034.568.538	(2.827.648.142)	6.034.568.538	(2.521.185.379)
Hàng hóa ⁽³⁾	173.637.718.776	(52.717.811.891)	171.286.680.749	(44.403.299.434)
Cộng ⁽⁴⁾	197.116.843.606	(63.448.563.453)	194.803.805.579	(53.963.437.752)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ.⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ.⁽³⁾ Hàng hóa chủ yếu là đá và gỗ.⁽⁴⁾ Chi tiết:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(53.963.437.752)	(3.389.586.325)
Trích lập dự phòng bổ sung	(9.485.125.701)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(63.448.563.453)	(3.389.586.325)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	838.430.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.925.845.953
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	838.430.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.925.845.953
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.955.462.115	8.646.008.935	11.788.331.938	714.949.109	-	320.000.000	31.424.752.097
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	58.427.892.059	10.028.510.430	14.257.614.859	761.565.015	44.243.733.080	1.691.498.829	129.410.814.272
Khấu hao trong kỳ	3.461.492.934	72.403.818	140.369.886	11.248.182	4.397.501.976	97.964.202	8.180.980.998
Phân loại lại	(22.080.364)	22.080.364	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	61.867.304.629	10.122.994.612	14.397.984.745	772.813.197	48.641.235.056	1.789.463.031	137.591.795.270
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	189.633.012.517	1.254.445.778	338.051.625	76.865.912	131.641.349.375	571.306.474	323.515.031.681
Số cuối kỳ ^(*)	186.193.599.947	1.159.961.596	197.681.739	65.617.730	127.243.847.399	473.342.272	315.334.050.683

^(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 285.629.473.877 đồng (xem tại thuyết minh V.19, V.20).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	317.684.000	399.336.795
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	81.652.795	317.684.000	399.336.795
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	317.684.000	399.336.795
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	56.149.693.891	56.149.693.891
- Tăng trong kỳ	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	56.149.693.891	56.149.693.891
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.272.723.861	12.272.723.861
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	28.705.494.715	28.705.494.715
- Khấu hao trong kỳ	630.581.418	630.581.418
- Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	29.336.076.133	29.336.076.133
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	27.444.199.176	27.444.199.176
Số cuối kỳ ^(*)	26.813.617.758	26.813.617.758

(*) Trong đó: Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để cầm cố đảm bảo nợ vay là 26.813.617.758 đồng (xem tại thuyết minh V.19, V.20).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	32.367.705.386	-	-	32.089.530.386
Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku	30.612.218.993	-	-	30.612.218.993
Các công trình khác	1.755.486.393	-	(278.175.000)	1.477.311.393
Cộng	32.367.705.386	-	(278.175.000)	32.089.530.386

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	804.157.612.500	320.083.355.451	(484.074.257.049)	804.157.612.500	407.949.635.308	(396.207.977.192)
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông ⁽¹⁾	176.500.000.000	176.500.000.000	-	176.500.000.000	176.500.000.000	-
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai ⁽²⁾	149.800.000.000	-	(149.800.000.000)	149.800.000.000	-	(149.800.000.000)
Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited ⁽³⁾	249.157.612.500	137.518.402.808	(111.639.209.692)	249.157.612.500	148.229.049.634	(100.928.562.866)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL ⁽⁴⁾	228.700.000.000	6.064.952.643	(222.635.047.357)	228.700.000.000	83.220.585.674	(145.479.414.326)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ⁽⁵⁾	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
Đầu tư dài hạn khác	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽⁶⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Cộng	813.538.378.500	328.984.121.451	(484.554.257.049)	813.538.378.500	416.850.401.308	(396.687.977.192)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2024 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 176.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 70,60% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông (số đầu năm là 176.500.000.000 đồng, tương ứng 70,60% vốn điều lệ).

(2) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 149.800.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 73,50% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (số đầu năm là 149.800.000.000 đồng, tương ứng 73,50% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 249.157.612.500 đồng, tương ứng nắm giữ 97,73% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited (số đầu năm là 249.157.612.500 đồng, tương ứng 97,73% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 11.435.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 93,35% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL (số đầu năm là 11.435.000 cổ phiếu, tương ứng 93,35% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ). Mệnh giá cổ phiếu là 100.000đ/Cp

(6) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	151.352.580.401	160.571.464.951
Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	50.027.407.966	50.227.407.966
Các người bán khác	101.325.172.435	110.344.056.985
Cộng (*)	151.352.580.401	160.571.464.951

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 145.628.451.441 đồng.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	37.317.691.800	47.581.691.800
Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	24.839.674.670	34.839.674.670
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	12.219.817.130	12.219.817.130
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	258.200.000	522.200.000
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	1.334.886.926	1.334.886.926
Các người mua khác	1.334.886.926	1.334.886.926
Cộng (*)	38.652.578.726	48.916.578.726

(*) Nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 38.652.578.726 đồng.

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Điều chỉnh khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	1.171.875.084	-	23.926.758	(226.526.601)	(75.448.642)	893.826.599	-
Thuế TNDN	-	63.506.675	-	-	-	-	63.506.675
Thuế TNCN	-	2.417.345	13.977.404	(5.771.087)	-	5.788.972	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.278.447.984	-	11.632.701.254	(2.566.878.496)	-	13.344.270.742	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	4.806.835.519	-	4.890.759.790	(96.000.000)	-	9.601.595.309	-
Cộng	10.257.158.587	65.924.020	16.561.365.206	(2.895.176.184)	(75.448.642)	23.845.481.622	63.506.675

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.543.926	39.534.646.392
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	216.177.933.802	12.825.024.363
+ Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền và nợ phải thu	808.205.190	5.533.974.528
+ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	183.424.921.973	-
+ Trích dự phòng đầu tư vào công ty con	10.710.646.826	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	21.234.159.813	7.291.049.835
- Các khoản điều chỉnh giảm	(254.233.545.650)	(241.580.780.780)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.036.000)	(21.405.036.000)
+ Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(254.008.509.650)	(220.175.744.780)
Thu nhập chịu thuế	(37.960.067.922)	(189.221.110.025)
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	-	-

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Chi phí công trình xây lắp

Chi phí lãi vay

Cộng (*)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình xây lắp	82.375.830.788	82.375.830.788
Chi phí lãi vay	359.983.903.492	332.029.828.907
Cộng (*)	442.359.734.280	414.405.659.695

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 442.359.734.280 đồng.

18. Phải trả ngắn hạn khác**Phải trả cho các bên liên quan**

Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai (lãi vay)

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

Phải trả cho các đối tượng khác

Chi phí lãi vay

Lãi trái phiếu chuyển đổi

Bảo hiểm

Phải trả khác

Cộng (*)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	28.528.001.600	17.859.180.492
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai (lãi vay)	16.463.626.099	15.768.371.531
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	10.000.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.064.375.501	2.064.375.501
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	26.433.460
Phải trả cho các đối tượng khác	707.980.425.256	655.305.870.134
Chi phí lãi vay	705.434.752.095	652.893.213.026
Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
Bảo hiểm	140.480.536	118.016.884
Phải trả khác	961.334.175	850.781.774
Cộng (*)	736.508.426.856	673.165.050.626

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 725.406.612.145 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số V.19a)	20.057.027.370	45.447.061.747
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác (Thuyết minh số V.19b)	174.983.815.400	174.983.815.400
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số V.19c)	432.273.219.456	432.273.219.456
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số V.19d)	356.476.992.489	356.476.992.489
Cộng (*)	985.441.054.715	1.010.831.089.092

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 985.441.054.715 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	-	1.650.000.000
Vay ngân hàng và tổ chức	220.430.877.147	-	-	(25.390.034.377)	195.040.842.770
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	432.273.219.456	-	-	-	432.273.219.456
Vay dài hạn đến hạn trả	356.476.992.489	-	-	-	356.476.992.489
Cộng	1.010.831.089.092	-	-	(25.390.034.377)	985.441.054.715

19a. Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai				
Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 01/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 09/PL - HĐVV ngày 17/03/2023	20.057.027.370	Từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 31/12/2023	8,1%/năm	Tin chấp
Tổng cộng	20.057.027.370			

19b. Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HĐTD ngày 11/10/2017	174.983.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018	Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11)

19c. Trái phiếu phát hành đến hạn trả

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	360.000.000.000	Từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm.	Bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (xem thuyết minh VII.3d, VII.3e) và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).



Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	71 898 719 456	Từ ngày 30/12/2017 đến hết ngày 30/12/2022	10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (xem thuyết minh VII.3c) và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).
---	----------------	--	---	---

Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000			
Tổng cộng	432.273.219.456			

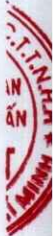
19d. Vay dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/5/2008 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHĐ ngày 16/10/2023	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/1/2012	66.924.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013	19.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019	Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay.	Được bảo lãnh bằng tài sản của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL (xem thuyết minh VII.3e)
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	30.200.000.000			
Vay dài hạn (thuyết minh V.20)	29.200.000.000			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014)	55.174.137.200	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân.	Toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.9, V.11).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Tp.HCM

Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/6/2013	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần.	Được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) (xem thuyết minh VII.3c) và Tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11).
Tổng cộng	385.676.992.489			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	356.476.992.489			
Vay dài hạn (thuyết minh V.20)	29.200.000.000			



20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác	29.200.000.000	29.200.000.000
Cộng (*)	29.200.000.000	29.200.000.000

(*) Trong đó, Công ty không có vay và nợ thuê tài chính dài hạn quá hạn chưa thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	29.200.000.000	-		-	29.200.000.000
Cộng	29.200.000.000	-		-	29.200.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	59.400.000.000	59.400.000.000
Cộng	59.400.000.000	59.400.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	29.200.000.000	29.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.200.000.000	30.200.000.000

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HD ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.9, V.11)
Trong đó:				
Vay dài hạn	29.200.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.19d)	30.200.000.000			



21. Vốn chủ sở hữu

21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 01**.

21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.3. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22. Tài khoản ngoài bảng

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	173,897.11	174,007.80
Kip Lào (LAK)	50,348,391,902.25	50,348,391,902.25

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết gồm:		
Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
Các khách hàng khác	2.777.956.695	2.777.956.695
Cộng	3.948.050.164	3.948.050.164

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	38.200.000	-
Doanh thu bán đá	4.499.399.000	16.075.585.000
Doanh thu cho thuê tài sản	2.071.718.184	2.669.363.636
Cộng	6.609.317.184	18.744.948.636

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.302.545.455	1.302.545.455
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	654.545.455	654.545.455
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	648.000.000	648.000.000
Cộng	1.302.545.455	1.302.545.455

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	38.000.000	-
Giá vốn bán đá	4.456.676.313	15.896.323.950
Giá vốn cho thuê tài sản	2.058.724.341	2.734.490.022
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.485.125.701	-
Cộng	16.038.526.355	18.630.813.972

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	102.005.340.140	106.939.965.573
Cổ tức, lợi nhuận được chia	225.036.000	21.405.036.000
Cộng	102.230.376.140	128.345.001.573

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	58.370.543.666	60.096.388.019
Chi phí lãi vay trái phiếu	22.954.966.301	25.907.892.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	808.205.190	5.533.974.528
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	87.866.279.857	64.736.686.864
Cộng	169.999.995.014	156.274.942.079

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	31.780.000	42.461.538
Cộng	31.780.000	42.461.538

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	899.731.179	1.124.811.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.975.101.342	1.794.920.593
Dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi	186.629.549.527	142.918.049.897
Hoàn nhập khoản phải thu quá hạn khó đòi	(289.817.263.903)	(220.175.744.780)
Chi phí dịch vụ, bằng tiền khác	12.395.220.131	1.252.842.845
Cộng	(87.917.661.724)	(73.085.119.966)

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	4.885.877.808	4.912.684.692
Chi phí tiền chậm nộp	4.909.102.859	827.298.514
Chi phí khác	796.529.086	343.008.002
Cộng	10.591.509.753	6.082.991.208

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	931.511.179	1.167.273.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.811.562.416	4.244.606.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	12.395.220.131	1.323.266.505
Cộng	22.138.293.726	6.735.146.037

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	75.000.000	90.000.000
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 10/5/2024)	72.454.701	165.940.171
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	210.000.000
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	150.000.000	150.000.000
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	135.388.034	137.391.025
Cộng		642.842.735	753.331.196

Trong kỳ, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

STT	Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Công ty con (chiếm 70,60% vốn điều lệ)
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Công ty con (chiếm 73,50% vốn điều lệ)
3.	Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited	Công ty con (chiếm 97,73% vốn điều lệ)
4.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty con (chiếm 93,35% vốn điều lệ)
5.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Chung thành viên lãnh đạo
6.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết (chiếm 20,00% vốn điều lệ)
7.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Chung thành viên lãnh đạo
8.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo
9.	Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	Chung cổ đông lớn
10.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
11.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
12.	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp

- Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác

Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức được nhận	-	21.180.000.000
Thu tiền từ cổ tức	-	81.441.600.840

Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	695.254.568	1.016.501.290

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL

	Kỳ này	Kỳ trước
Mượn tiền	10.000.000.000	-

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.036.000

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê tài sản	654.545.455	654.545.455
Thu tiền cho thuê tài sản	3.180.000.000	-

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	Kỳ này	Kỳ trước
Cho mượn tiền	1.050.000.000	300.000.000
Thu hồi tiền cho vay	1.050.000.000	300.000.000
Trả nợ đi vay	25.390.034.377	-
Chi phí lãi đi vay	134.641.745	-
Trả lãi đi vay	161.075.205	-
Cho vay	252.294.850.000	-
Lãi cho vay	7.744.795.693	-
Thu tiền lãi cho vay	161.075.205	-

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê tài sản	648.000.000	648.000.000
Chi phí thuê tài sản	27.272.728	54.545.455
Chi phí mua điện sản xuất	-	70.423.660

Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả tiền ứng trước	10.000.000.000	-

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.6a, V.13, V.15, V.18, V.19a.

3c. Bảo đảm của bên liên quan là cá nhân cho các khoản Công ty đi vay

Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.19).

3d. Bảo đảm của bên liên quan cho Công ty

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.19).

Công ty nhận thế chấp bằng 7.250.000 cổ phiếu của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông trị giá 133.400.000.000 đồng và 10.500.000 cổ phiếu của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận trị giá 437.157.000.000 đồng đều thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven để đảm bảo cho các khoản nợ gốc và lãi phải thu mà Công ty cho vay, giá trị các khoản cho vay và lãi được đảm bảo là 570.557.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.5, V.6a).

3e. Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản Công ty đi vay

Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL, Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL và Công ty TNHH Đức Long Dung Quất đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.19).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: sản phẩm từ gỗ.
- Hàng hóa: Đá
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• Kỳ này

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.200.000	4.499.399.000	2.071.718.184	-	6.609.317.184
Giá vốn hàng bán	38.000.000	4.456.676.313	2.058.724.341	9.485.125.701	16.038.526.355
Lợi nhuận gộp	200.000	42.722.687	12.993.843	(9.485.125.701)	(9.429.209.171)

• Kỳ trước

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	16.075.585.000	2.669.363.636	-	18.744.948.636
Giá vốn hàng bán	-	15.896.323.950	2.734.490.022	-	18.630.813.972
Lợi nhuận gộp	-	179.261.050	(65.126.386)	-	114.134.664

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty là chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã dùng tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2024 dùng để thế chấp lần lượt là 285.629.473.877 đồng và 26.813.617.758 đồng (xem tại thuyết minh V.9, V.11).

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 30/06/2024, khoản lỗ thuần của Công ty là (2.795.946.647.035) đồng, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 770.518.673.948 đồng; Ngoài ra Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.337.488.431.307 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2024 đến 2026. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc sẽ phối hợp và làm việc với ngân hàng/chủ nợ để cấu trúc lại tình hình tài chính của Công ty, đàm phán cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc vay, định giá tài sản đảm bảo, có lộ trình chuyển nhượng tài sản không sinh lời, thoái vốn các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh kém hiệu quả để tích lũy dòng tiền

giảm dần dư nợ gốc theo kế hoạch. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc sẽ làm việc với các ngân hàng xin miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt sau khi Công ty tắt toàn bộ dư nợ gốc quá hạn.

Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, và xác nhận rằng chúng tôi đã nhận được sự cam kết chính thức từ các cổ đông lớn, nhà đầu tư về việc cung cấp cho Công ty nguồn tài chính cần thiết để có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian sắp đến.

7. Các cam kết khác

Tình hình thực hiện cam kết góp vốn của Công ty vào các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty đầu tư như sau:

	Vốn điều lệ của các Công ty nhận đầu tư	Trong đó: Công ty cam kết góp	Vốn góp thực tế (theo mệnh giá) của Công ty đến ngày 30/06/2024	Vốn góp thiếu
		Tỷ lệ	Vốn cam kết góp	
Đầu tư vào Công ty con	896.372.401.456		753.446.985.508	753.446.985.508
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	250.000.000.000	70,60%	176.500.000.000	176.500.000.000
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	203.810.000.000	73,50%	149.800.000.000	149.800.000.000
- Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited	320.062.401.456	97,73%	312.796.985.508	312.796.985.508
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	122.500.000.000	93,35%	114.350.000.000	114.350.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.961.000.000		592.200.000	592.200.000
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.961.000.000	20,00%	592.200.000	592.200.000
Đầu tư dài hạn khác	6.667.000.000		480.000.000	480.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	6.667.000.000	7,20%	480.000.000	480.000.000
Cộng	906.000.401.456		754.519.185.508	754.519.185.508

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 12/07/2024, Công ty nhận được Thông báo số 01/PS-TBTA của Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (“gọi tắt là “Lilama 45.3”). Theo đó, Công ty có phát sinh khoản nợ đối với Lilama 45.3, theo Bản án phúc thẩm số 03/2023/KDTM-PT ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Công ty phải trả cho Lilama 45.3 khoản nợ gốc là hơn 14.764.848.038 đồng và 2.362.501.654 đồng lãi chậm thanh toán. Tính đến ngày 27/09/2024, tổng số tiền Công ty đã trả cho Lilama 45.3 là 7.000.000.000 đồng. Công ty vẫn đang triển khai các hoạt động bình thường và có thiện chí trả nợ cho Lilama 45.3. Ngày 05/08/2024, Công ty đã nhận được Quyết định không mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐST-PS của Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai, theo đó không mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Ngoài ra, theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 15/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc cấu trúc lại khoản đầu tư vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mass Noble Investment Limited, theo đó Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mass Noble Investment

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Limited. Ngày 31/07/2024, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 06/2024/HĐCNPVG/DLG-DL1 cho Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven trị giá 255.000.000.000 đồng. Đến ngày 27/09/2024, Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định.

Ngoài các sự kiện nêu trên, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024.

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán



ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023					
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.204.480.460.523)	845.324.084.764
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	39.534.646.392	39.534.646.392
- Lãi trong kỳ	-	-	-	39.534.646.392	39.534.646.392
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.164.945.814.131)	884.858.731.156
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024					
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.796.042.190.961)	253.762.354.326
6. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
7. Giảm trong kỳ	-	-	-	95.543.926	95.543.926
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	95.543.926	95.543.926
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.795.946.647.035)	253.857.898.252

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú

TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2024

Tổng Giám đốc

